

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023

V/v ly hôn,

trKh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN ĐKH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

**- N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoàng Yến

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Kh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về ly hôn và trKh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm 1979, địa chỉ thường trú: Ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Kiên GiKg, địa chỉ liên hệ: Số 514/14 G, Khu phố 1, phường H, quận I, N phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt ngày 24/11/2022).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2022, biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2022 nguyên đơn, ông Đặng Văn B trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị K chung sống với nhau năm 2020, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đến năm 2021 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09/2021, ngày 17/02/2021. Vợ chồng ông có 02 con chung tên:

1. Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021

2. Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021

Các con đang sống chung với bà Nguyễn Thị K và ông bà ngoại tại ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, cuộc sống có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau. Thời gian gần đây vợ chồng ông mâu thuẫn càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị K, không yêu cầu đoàn tụ.

Khi ly hôn ông đồng ý giao các con là cháu Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 cho bà Nguyễn Thị K được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 cháu.

Hiện nay bà Nguyễn Thị K đang đi làm phụ bán quán ăn ở Dĩ An, Bình Dương, thu nhập và địa chỉ cụ thể ông không biết. Bà K cũng thường xuyên về ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu để thăm con, ông vẫn chu cấp tiền hằng tháng để nuôi con thông qua tài khoản ngân hàng của người quen với bà K.

Ông và bà K chung sống thời gian ngắn, vợ chồng đi làm thuê, lương chỉ đủ trang trải cuộc sống nên không tạo lập được tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã nhiều lần trực tiếp đến nhà bà Nguyễn Thị K để tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà K không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo giấy mời nên không ghi nhận được ý kiến của bà K đối với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn B đối với bà Nguyễn Thị K. Giao con chung là các cháu Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông B về việc cấp dưỡng mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng, tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không xem xét. Án phí ông B phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Ông Đặng Văn B yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn với bà Nguyễn Thị K, hiện nay bà K đang cư trú tại ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Đặng Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị K theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quK hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị K chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 09/2021, ngày 17/02/2021. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà K là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”

[5] Theo kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của Trưởng ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác định hiện nay ông B và bà K không còn sống chung với nhau. Theo ông B xác định vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân, không có biện pháp gì để hàn gắn. Từ đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông B và bà K đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B đối với bà K.

[6] Về con chung: Ông B và bà K có 02 (Hai) con chung tên Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam) và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam), hiện các cháu đang sống chung với bà K và ông bà ngoại tại ấp L, thị trấn M, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Ông B đồng ý tiếp tục giao con chung cho bà K trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Xét thấy, hiện nay cháu N và cháu O đang sống chung với bà K và ông bà ngoại, các cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nên cần tiếp tục giao cháu N và cháu O cho bà K tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con chưa N niên,...”. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả ông B và bà K. Ông B đồng ý cấp dưỡng cho cháu Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 cháu. Xét đây là ý kiến tự nguyện của ông B về việc cấp dưỡng nuôi con chung để đảm bảo quyền lợi cho cháu N và cháu O; mặt khác, việc cấp dưỡng nuôi con của ông B là không trái quy định pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, cần ghi nhận ý kiến tự nguyện của ông B về việc cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định vợ chồng chung sống thời gian ngắn nên không tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai và không ai thiếu nợ hai vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí dân sự không có giá ngạch: Ông B chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung được chấp nhận và án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[10] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82, 83, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn B đối với bà Nguyễn Thị K. Xử cho ông Đặng Văn B ly hôn với bà Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao các cháu: Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam) và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam) cho bà Nguyễn Thị K tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đặng Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đặng Nguyễn Tấn N, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam) và Đặng Nguyễn Tấn O, sinh ngày 01/4/2021 (Giới tính: Nam)

mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2023 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Ông Đặng Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) tại mục 4.3, 4.4 của quyết định này cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa O thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Ông Đặng Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng. Án phí cấp dưỡng ông Đặng Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ông Đặng Văn B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001228 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được đối trừ. Ông Đặng Văn B phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TKD tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A
- UBND tt M, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Hoàng Yến**

**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

[1] Bà PhK Thị Bích Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, N phố Hồ Chí Minh. 3



**N VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**